

Bản án số: 733/2019/DS-PT

Ngày: 21/8/2019

V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
về tài sản do người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đắc Phú

Các Thẩm phán: 1/ Bà Nguyễn Thị Thu
2/ Bà Phạm Thị Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Trang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Hoàng Anh Nga – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 14 và ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2019/TLST-DSPT ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2019/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh bị nguyên đơn kháng cáo ngày 22/3/2019.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3029/2019/QĐPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Nghĩa S sinh năm 1959

Địa chỉ thường trú: đường T, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: đường B, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T– sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ : Đường số M, tổ B, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền số: 11483; Quyền số: 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/4/2017 của Văn phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trương Thị HN sinh năm 1988

Địa chỉ: đường T, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc A sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: 406 Lô B Chung cư S, Đường CC, phường S, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền số: 21131; Quyền số: 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/6/2017 của Văn phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 7/4/2017 của Nguyên đơn ông Bùi Nghĩa S cùng trình bày của ông Phạm Văn T là người đại diện theo ủy quyền của ông S thì: Ông S và bà Võ Hồng N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, không có con chung, do tin tưởng nhau nên ngày 06/02/2017 ông S chuyển cho bà N mượn 30.000.000 đồng ; Ngày 09/02/2017 chuyển cho bà N mượn 280.000.000 đồng ; Ngày 11/02/2017 chuyển cho bà N mượn 450.000.000 đồng; Ngày 13/02/2017 chuyển cho bà N mượn 600.000.000 đồng; Ngày 16/02/2017 chuyển cho bà N mượn 95.000.000 đồng. Số tiền này ông S chuyển vào tài khoản số 06019333xxxx của bà N tại Ngân hàng TMCP SG– Phòng giao dịch ÂL, Chi nhánh C.

Vào lúc 10 giờ 9 phút 50 giây ngày 16/02/2017 bà N sử dụng số điện thoại 0967843xxx nhắn tin vào số điện thoại 0967277xxx của ông S nội dung: “Anh chuyển vô tài khoản em cho đủ 1 tỷ rưỡi đi”. Ngày 28/2/2017 bà N chết, trước khi chết bà N có nuôi cá sấu ở CC , ngoài ra còn kinh doanh sắt, thép, bất động sản, ông S là tài xế của bà N, bà N đi đâu thì ông S chở đi đó, số tiền ông S cho bà N mượn là tiền riêng của ông S. Nay ông S khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị HN là người thừa kế duy nhất của bà Võ Hồng N phải trả cho ông S 1.455.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn – ông Nguyễn Ngọc A trình bày: Bà Võ Hồng N chung sống như vợ chồng với ông S từ năm 2007, khi còn sống bà N nuôi cá sấu, kinh doanh sắt thép, bất động sản. Ông S không làm gì chỉ lái xe và thực hiện công việc theo yêu cầu của bà N, giữa ông S, bà N không có việc vay mượn tiền, tháng 1/2017 bà N bán đất ở CC, thời điểm này bà N đang bị bệnh thường xuyên phải chữa bệnh nên ông S giữ tiền để tiện thanh toán cho các giao dịch của bà N và thanh toán chi phí chữa bệnh.

Trong Giấy khai sinh của chị HN thể hiện cha chị HN là ông Trương Văn Nh, ông Nh mất năm 1999, bố của bà N là ông Võ Văn T là liệt sĩ, mẹ là Huỳnh Lệ H đã mất. Ông xác nhận từ ngày 6-16/02/2017 ông S đã chuyển vào tài khoản của bà N tại Ngân hàng SGTT số tiền 1.455.000.000 đồng. Trong các Phiếu chuyển tiền nội dung chuyển tiền chỉ ghi là chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt

không thể hiện nội dung là cho mượn tiền, nên chị HN không đồng ý yêu cầu của ông S.

Tại bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên xử

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Bùi Nghĩa S.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Nghĩa S yêu cầu bà Trương Thị HN là người thừa kế duy nhất của bà Võ Hồng N phải trả lại 1.455.000.000 đồng theo các Giấy nộp tiền ngày 6/02/2017 số tiền 30.000.000 đồng; Giấy nộp tiền ngày 9/02/2017 số tiền 280.000.000 đồng; Giấy nộp tiền ngày 11/02/2017 số tiền 450.000.000 đồng; Giấy nộp tiền ngày 13/02/2017 số tiền 600.000.000 đồng và Ủy nhiệm chi ngày 16/02/2017 số tiền 95.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT - Phòng giao dịch ÂL, Chi nhánh C.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét việc Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng đủ thủ tục tố tụng được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn giữ nguyên án sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xác định bà Trương Thị HN là người thừa kế duy nhất của bà Võ Hồng N:

Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 114/QH; Quyển số: 02 ngày 18/6/1998 của UBND Phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Trương Thị HN sinh ngày 11/5/1988 là con của bà Võ Hồng N và ông Trương Văn Nh.

Căn cứ theo Văn bản khai nhận di sản ngày 6/5/2017 của Văn phòng công chứng Tân Thuận thì cha của bà Võ Hồng N là Võ Văn T , mất đã lâu, mất trước bà N và không lập chứng tử; Mẹ bà N là Huỳnh Lệ H mất ngày 28/4/2007; Bà N không có chồng, có 1 người con duy nhất là Trương Thị HN.

Căn cứ Bảng tổ quốc ghi công; Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ thể hiện ông Võ Văn T là liệt sỹ; Giấy chứng tử số: 60/TH ngày 28/5/2007 của UBND Phường M, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Huỳnh Lệ H, sinh ngày 20/6/1939, chết lúc 15 giờ 30 ngày 28/4/2007 và Trích lục khai tử số 121//TLKT-BS ngày 13/3/2017 của UBND xã T, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Võ Hồng N, sinh ngày 6/5/1956, chết lúc 10 giờ 53 phút ngày 28/2/2017.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xác định bà Trương Thị HN là người thừa kế duy nhất của bà Võ Hồng N, nên ông S khởi kiện yêu cầu bà HN phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi bà N chết là đúng đối tượng khởi kiện.

[2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn phải trả ngay 1.455.000.000 đồng của Nguyên đơn.

[2.1] Căn cứ khởi kiện của Nguyên đơn là tin nhắn lúc 10 giờ 9 phút 50 giây ngày 16/02/2017 từ số 0967843xxx (số điện thoại của bà N) nhắn tin vào số 0967277xxx (số điện thoại của ông S) nội dung: “Anh chuyển vô tài khoản em cho đủ 1 tỷ rưỡi đi”.

Xét thấy tại phiếu đăng ký thông tin khách hàng ngày 14/11/2014 của Ngân hàng TMCP SGTT - Phòng giao dịch ÂL, Chi nhánh C thì số điện thoại đăng ký thông tin giao dịch của bà Võ Hồng N là số điện thoại 0967843xxx.

Ngày 02/6/2017 Tòa án nhân dân quận TB có Công văn số: 968/TAQTB gửi Tập đoàn Viễn thông QĐ đề nghị cho biết:

1/ Chủ thuê bao của các số điện thoại 0967843xxx và số điện thoại 0967277xxx.

2/ Vào lúc 10 giờ 9 phút 50 giây ngày 16/02/2017 số điện thoại 0967843xxx có nhắn tin vào số điện thoại 0967277xxx với nội dung: “Anh chuyển vô tài khoản em cho đủ 1 tỷ rưỡi đi” không ?.

Ngày 11/9/2017, Tòa án nhân dân quận TB nhận được Công văn số: 1313/VTQĐ-PC của Tập đoàn Viễn thông QĐ, nội dung:

1/ Số điện thoại 0967843xxx là thuê bao trả trước, đăng ký tên: Bùi Nghĩa S, sinh ngày 25/7/1959; địa chỉ: đường T, Phường M, quận TB, Tp.HCM; CMTND: B6439XXX, ngày cấp: 26/3/2012, nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh.

2/ Số điện thoại 0967277xxx là thuê bao trả trước, đăng ký tên: Dinh Nhat V, ngày sinh: 23/7/1982; địa chỉ: Đường CB, phường T, Quận H, Tp.HCM; CMTND: 02358xxxx, ngày cấp: 14/5/2008, nơi cấp: Tp. Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm lấy số liệu (ngày 11/9/2017) trên hệ thống không còn lưu nội dung tin nhắn lúc 10 giờ 9 phút 50 giây ngày 16/02/2017 của số điện thoại 0967843xxx nhắn cho số điện thoại 0967277xxx.

Ngày 02/11/2017 Tòa án nhân dân quận TB có Công văn số: 859/TAQTB gửi Công an Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị cho biết họ và tên, ngày tháng năm sinh của người được Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp số Chứng minh thư nhân dân số: 02358xxxx, cấp ngày 14/8/2008.

Ngày 16/11/2017, Tòa án nhân dân quận TB nhận được Công văn số: 1967/PC64-Đ7 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung: Theo tờ khai CMND số 02358xxxx ngày 28/6/2000 có lai lịch: Họ và tên: Nguyễn Thị T, sinh ngày 24/12/1976; Địa chỉ: Tổ 36, ấp Bình Khánh 1, phường Bình Khánh, Quận 2; Họ và tên cha: Nguyễn Hữu HT; Họ và tên mẹ: Hà Thị D; Họ và tên chồng: Giang TT. Đối với thông tin Đinh Nhật V, tên đầy đủ là Đinh Nhật V, sinh ngày 23/7/1982, số CMND: 02358xxxx, thường trú: đường CB, phường T, Quận H.

Theo kết quả xác minh của Công an phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh thì tại địa chỉ: đường CB không có nhân khẩu tên Đinh Nhật V, sinh năm 1982 đăng ký thường trú, tạm trú. Do đó, Tòa án không đưa ông Đinh Nhật V, sinh năm 1982 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Từ các căn cứ trên và các chứng cứ do Nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử không đủ căn cứ xác định bà Võ Hồng N là chủ thuê bao của số điện thoại: 0967843xxx và không xác định được nội dung tin nhắn lúc 10 giờ 9 phút 50 giây ngày 16/02/2017 từ số điện thoại 0967843xxx nhắn cho số điện thoại 0967277xxx.

[2.2] Căn cứ khởi kiện đơn khởi kiện của Nguyên đơn là khoản tiền 1.455.000.000 đồng ông S đã chuyển vào tài khoản của bà N các ngày 6/2/2017, ngày 9/2/2017, ngày 11/02/2018, ngày 13/02/2017 và ngày 16/02/2017.

Theo ông T là đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn thì đây là khoản tiền riêng của ông S có được từ việc mua bán đất, ông S đã chuyển cho bà N mượn nên yêu cầu chị Ngọc là người thừa kế duy nhất của bà N phải trả lại.

Ông A là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận bà N đã nhận chuyển khoản của ông S từ ngày 6-16/02/2017 số tiền 1.455.000.000 đồng, đây là tiền của bà N có được từ kinh doanh, buôn bán đất. Do bà N bị bệnh nên ông S cầm tiền để tiện trong việc chi trả tiền chữa bệnh, giao dịch mua bán cho bà N.

Xét thấy tại phiên tòa hôm nay bị đơn cho rằng nguyên đơn chuyển tiền cho bị đơn, là do trước kia bị đơn có gửi tiền cho nguyên đơn nhưng không có chứng cứ gì chứng minh việc gửi tiền, hiện nay nguyên đơn không thừa nhận việc này, nhưng việc nguyên đơn chuyển tiền cho bị đơn bằng các chứng từ sau :

Xét thấy ngày 6/02/2017 ông S có Giấy nộp tiền vào tài khoản của bà N số tiền 30.000.000 đồng; Nội dung: Bùi Nghĩa S nộp tiền mặt tài khoản.

Ngày 9/02/2017 ông S có Giấy nộp tiền vào tài khoản của bà N số tiền 280.000.000 đồng; Nội dung: Bùi Nghĩa S nộp tiền mặt tài khoản.

Ngày 11/02/2017 ông S có Giấy nộp tiền vào tài khoản của bà N số tiền 450.000.000 đồng; Nội dung: Bùi Nghĩa S nộp tiền mặt tài khoản.

Ngày 13/02/2017 ông S có Giấy nộp tiền vào tài khoản của bà N số tiền 600.000.000 đồng; Nội dung: Bùi Nghĩa S nộp tiền mặt tài khoản.

Ngày 16/02/2017 ông S có Ủy nhiệm chi vào tài khoản của bà N số tiền 95.000.000 đồng; Nội dung: Chuyển khoản.

Căn cứ các Giấy nộp tiền, Ủy nhiệm chi nêu trên thể hiện từ ngày 6/02/2017 đến ngày 16/02/2017 ông S có chuyển vào tài khoản của bà N số tiền 1.455.000.000 đồng. Việc chuyển tiền này là có thực và đã được của ông A là người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn thừa nhận, nhưng trong nội dung chuyển tiền ông S chỉ ghi là “Chuyển khoản” hoặc ghi “Bùi Nghĩa S nộp tiền mặt tài khoản”. Nội dung của các Giấy nộp tiền, Ủy nhiệm chi này đủ cơ sở để chứng minh cho việc bà N mượn tiền ông S như ông S trình bày.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Không chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó cần phải sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà HN phải trả cho ông S số tiền là 1.455.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm bà HN phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông S .

Về án phí dân sự phúc thẩm do sửa án sơ thẩm nên ông S không phải chịu án phí .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 21; Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 463; Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).
- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Nghĩa S sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Nghĩa S yêu cầu bà Trương Thị HN là người thừa kế duy nhất của bà Võ Hồng N phải trả lại 1.455.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng) theo các Giấy nộp tiền ngày 6/02/2017 số tiền 30.000.000 đồng; Giấy nộp tiền ngày 9/02/2017 số tiền 280.000.000 đồng; Giấy nộp tiền ngày 11/02/2017 số tiền 450.000.000 đồng; Giấy nộp tiền ngày 13/02/2017 số tiền 600.000.000 đồng và Ủy nhiệm chi ngày 16/02/2017 số tiền 95.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT - Phòng giao dịch ÂL, Chi nhánh C.

Thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành khoản tiền nêu trên phải chịu lại suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm là 55.650.000 đồng (năm mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) do bà Trương Thị HN chịu.

Hoàn lại cho ông Bùi Nghĩa S số tiền 27.825.000 đồng (hai mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006124 ngày 3/5/2017 của Cục Thi hành án Dân Sự Thành phố Hồ Chí Minh .

3/ Án phí Dân sự phúc thẩm : Hoàn lại cho ông Bùi Nghĩa S số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0038113 ngày 22/3/2018 của Cục Thi hành án Dân Sự Thành phố Hồ Chí Minh .

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung

năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận TB;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đắc Phú

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP.HỒ CHÍ MINH
TOÀ DÂN SỰ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thẩm Phán: Trịnh Đắc Phú

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2018

**TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ PHÚC THẨM**

Kính gửi: Lãnh đạo Tòa Dân sự

Tôi tên: Trịnh Đắc Phú, Thẩm phán Tòa Dân sự, tôi được phân công giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 229/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc “yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Nghĩa S sinh năm 1959

Địa chỉ thường trú: đường T, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trương Thị HN sinh năm 1988

Địa chỉ: 88/4 đường T, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Đơn khởi kiện ngày 7/4/2017 ông Phạm Văn T là người đại diện theo ủy quyền của ông S trình bày : Ông S và bà Võ Hồng N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, không có con chung, do tin tưởng nhau nên ngày 06/02/2017 ông S chuyển cho bà N mượn 30.000.000 đồng; Ngày 09/02/2017 chuyển cho bà N mượn 280.000.000 đồng; Ngày 11/02/2017 chuyển cho bà N mượn 450.000.000 đồng; Ngày 13/02/2017 chuyển cho bà N mượn 600.000.000 đồng; Ngày 16/02/2017 chuyển cho bà N mượn 95.000.000 đồng. Số tiền này ông S chuyển vào tài khoản số 06019333xxxx của bà N tại Ngân hàng TMCP SG– Phòng giao dịch ÁL, Chi nhánh C.

Nay ông S khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị HN là người thừa kế duy nhất của bà Võ Hồng N phải trả cho ông S 1.455.000.000đ.

Bị đơn trình bày: Bà Võ Hồng N chung sống như vợ chồng với ông Bùi Nghĩa S từ năm 2007, khi còn sống bà N nuôi cá sấu, kinh doanh sắt thép, bất động sản. Ông S không làm gì chỉ lái xe và thực hiện công việc theo yêu cầu của bà N, giữa ông S, bà N không có việc vay mượn tiền, tháng 1/2017 bà N bán đất ở CC, thời điểm này bà N đang bị bệnh thường xuyên phải chữa bệnh nên ông S giữ tiền để tiện thanh toán cho các giao dịch của bà N và thanh toán chi phí chữa bệnh.

Tại bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên xử

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Bùi Nghĩa S.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Nghĩa S yêu cầu bà Trương Thị HN là người thừa kế duy nhất của bà Võ Hồng N phải trả lại 1.455.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng) theo các Giấy nộp tiền ngày 6/02/2017 số tiền 30.000.000 đồng; Giấy nộp tiền ngày 9/02/2017 số tiền 280.000.000 đồng; Giấy nộp tiền ngày 11/02/2017 số tiền 450.000.000 đồng; Giấy nộp tiền ngày 13/02/2017 số tiền 600.000.000 đồng và Ủy nhiệm chi ngày

16/02/2017 số tiền 95.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT - Phòng giao dịch ÂL, Chi nhánh C.

II/ QUAN ĐIỂM CỦA THẨM PHÁN CHỦ TỌA:

Xét thấy ngày 6/02/2017 ông S có Giấy nộp tiền vào tài khoản của bà N số tiền 30.000.000đ; Nội dung: Bùi Nghĩ S nộp tiền mặt tài khoản.

Ngày 9/02/2017 ông S có Giấy nộp tiền vào tài khoản của bà N số tiền 280.000.000đ; Nội dung: Bùi Nghĩ S nộp tiền mặt tài khoản.

Ngày 11/02/2017 ông S có Giấy nộp tiền vào tài khoản của bà N số tiền 450.000.000 đồng; Nội dung: Bùi Nghĩ S nộp tiền mặt tài khoản.

Ngày 13/02/2017 ông S có Giấy nộp tiền vào tài khoản của bà N số tiền 600.000.000 đồng; Nội dung: Bùi Nghĩ S nộp tiền mặt tài khoản.

Ngày 16/02/2017 ông S có Ủy nhiệm chi vào tài khoản của bà N số tiền 95.000.000 đồng; Nội dung: Chuyển khoản.

Căn cứ các Giấy nộp tiền, Ủy nhiệm chi nêu trên thể hiện từ ngày 6/02/2017 đến ngày 16/02/2017 ông S có chuyển vào tài khoản của bà N số tiền 1.455.000.000 đồng. Việc chuyển tiền này là có thực và đã được của ông A là người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn thừa nhận, nhưng trong nội dung chuyển tiền ông S chỉ ghi là “Chuyển khoản” hoặc ghi “Bùi Nghĩ S nộp tiền mặt tài khoản”. Nội dung của các Giấy nộp tiền, Ủy nhiệm chi này đủ cơ sở để chứng minh cho việc bà N mượn tiền ông S như ông S trình bày.

1/ Chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Nghĩ S sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Nghĩ S yêu cầu bà Trương Thị HN là người thừa kế duy nhất của bà Võ Hồng N phải trả lại 1.455.000.000đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng) theo các Giấy nộp tiền ngày 6/02/2017 số tiền 30.000.000 đồng; Giấy nộp tiền ngày 9/02/2017 số tiền 280.000.000 đồng; Giấy nộp tiền ngày 11/02/2017 số tiền 450.000.000đ; Giấy nộp tiền ngày 13/02/2017 số tiền 600.000.000 đồng và Ủy nhiệm chi ngày 16/02/2017 số tiền 95.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT - Phòng giao dịch ÂL, Chi nhánh C.

III/ Y_KIẾN CỦA LẠNH WAO TỌA DAN S\ U

Duyệt của Lãnh đạo Tòa Đại sứ

Ngày/2018

Người báo cáo -Tham phán chủ tọa

Trịnh Đức Phú

